TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Huy Điệu;
2. Bà Phạm Thị Tuẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà:Ông Nguyễn Quang Đại-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1978; (Vắng mặt lần hai)

Đều ở địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Đỗ Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Ntổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/4/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà bố mẹ chồng ở xã Đồng Tâm, khoảng hơn 01 sau thì chuyển về Thôn C, xã K, huyện N chung sống. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh T thường xuyên rượu chè, có nhiều mối quan hệ bất chính, về nhà đánh đập vợ con, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không có biện pháp gì cải thiện được nữa nên khởi kiện xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có hai con chung là Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 11/12/2005 và Đỗ Trường G, sinh ngày 02/8/2013. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cả hai con chung là Đỗ Thị Khánh L và Đỗ Trường G cho chị trực

tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đỗ Hữu T phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn –anh Đỗ Hữu T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã K cung cấp: Chị L và anh T kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 20/4/2005, quá trình chung sống chị L và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác. Mặt khác, hai bên không bảo ban được nhau trong công việc làm ăn. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị L, anh T ly hôn do hai bên đã ly thân từ lâu. Vợ chồng chị L, anh T có hai con chung là Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 11/12/2005 và Đỗ Trường G, sinh ngày 02/8/2013, hai cháu từ nhỏ đã được chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, còn anh T thường xuyên không có mặt ở nhà, không quan tâm đến các con chung nên đề nghị Tòa án giao cháu Ly và cháu Giang cho chị L nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành vì chị L có công việc, chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung.

Tại phiên Tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T; giao con chung là Đỗ Thị Khánh L và Đỗ Trường G cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đỗ Hữu T; giao con chung là Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 11/12/2005 và Đỗ Trường G, sinh ngày 02/8/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Đỗ Hữu T phải cấp dưỡng cho con; chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị L đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện Nnơi sinh sống của anh T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

[3] Chị L khởi kiện xin ly hôn, anh T biết rõ việc chị L khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh T không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L song tại lời khai của chị L, biên bản xác minh ngày 23/7/2020 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, anh T chơi bời, có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, không tu chí làm ăn. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính anh T là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị L, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L ly hôn anh T.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị L và anh T có hai con chung là Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 11/12/2005 và Đỗ Trường G, sinh ngày 02/8/2013. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao hai con chung là Đỗ Thị Khánh L và Đỗ Trường G cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con; HĐXX thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai của cháu Ly, cháu Giang đều có nguyện vọng ở với chị L. Mặt khác, anh T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là anh tự tước đi quyền của mình; Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao hai con chung Đỗ Thị Khánh L và Đỗ Trường G cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đỗ Hữu T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Thị Khánh L, sinh ngày 11/12/2005 và Đỗ Trường G, sinh ngày 02/8/2013 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi

trưởng thành; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu anh Đỗ Hữu T phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đỗ Hữu T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009235, ngày 04 tháng 6 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/9/2020; anh Đỗ Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBNDxã Đ, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Quý Long